

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP HÀI HÒA GIỮA PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÃ HỘI CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PGS.TS. Vũ Thị Vinh*

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chủ trương xây dựng nền chính trị đạo đức được bảo đảm bởi sức mạnh của luật pháp. Để thực hiện điều đó, bên cạnh việc chắt lọc những hạt nhân hợp lý trong học thuyết "Đức trị", "Pháp trị" của văn hóa phương Đông, những kinh nghiệm trị quốc của các bậc minh quân, Người còn khéo léo vận dụng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật vào thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Bài viết nghiên cứu, làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh về kết hợp hài hòa giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý, điều hành xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, qua đó thấy được giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc của quan điểm đó trong việc hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

• Từ khóa: đạo đức, pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Throughout his revolutionary life, President Ho Chi Minh consistently advocated for the construction of an ethical political system ensured by the power of law. To achieve this, alongside refining the essential elements of "Morality governance" and "Law governance" from Eastern culture, drawing on the governance experiences of wise leaders, he also skillfully applied Marxist-Leninist thoughts on the relationship between morality and law in the practical construction of the socialist rule of law state in Vietnam. This article explores and elucidates Ho Chi Minh's perspective on harmoniously combining law and morality in the management and governance of Vietnamese socialist rule of law state, thereby demonstrating the profound theoretical and practical value of that viewpoint in perfecting the current socialist rule of law state in Vietnam.

• Key words: morality, law, Ho Chi Minh's thoughts, socialist rule of law state.

Ngày gửi bài: 01/02/2024

Ngày gửi phản biện: 06/02/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 14/5/2024

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2024

Hơn nửa thế kỷ qua, Nhà nước Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo dần được củng cố và hoàn thiện. Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay hoạt động nhà nước vẫn còn nhiều bất cập. Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vấn đề chính quyền và xây dựng một nền pháp quyền toàn dân luôn là mối quan tâm hàng đầu, nhiệm vụ

trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt, sự phát triển của đất nước trong thế kỷ XXI đang đặt ra yêu cầu xây dựng một nền dân chủ, đảm bảo quyền tự do và bình đẳng của mọi công dân, cũng như yêu cầu cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật. Bởi vậy, tiếp tục nhận thức và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền nói chung và về kết hợp hài hòa giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý và điều hành xã hội nói riêng trở thành một vấn đề cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

1. Vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội

Montesquieu viết: Luật chính trị là luật tạo ra nền cai trị. Luật dân sự là luật để duy trì nền cai trị ấy. Các luật ấy phải tương ứng với vật lý của đất nước, tức là với khí hậu lạnh, nóng, hay ôn hòa, với diện tích, vị trí đất đai, với cách sống của dân chúng làm nông nghiệp hay săn bắn, chăn nuôi. Luật phải tương ứng với trình độ tự do mà hiến pháp có thể chấp nhận, hợp với tôn giáo trong nhân dân, với số lượng nhân khẩu, với khuynh hướng và mức tài sản, với cách buôn bán, phong tục và tập quán của nhân dân". Xã hội sẽ thuận hòa, bền vững nếu như những nhà cầm quyền, những nhà chính trị nào biết kết hợp hài hòa giữa pháp luật và đạo đức trong thuật trị nước. Tuyệt đối hóa "đức trị" hay "pháp trị" đều không đi đến thành công.

Từ rất sớm Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nhận thức được vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm gửi tới hội nghị Vecxai trong đó có 4 điều liên quan tới pháp luật: Tổng ân

* Học viện Tài chính

xá tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị; Cải cách nền pháp lý Đông Dương bằng cách để người bản xứ cũng được quyền hưởng những bảo đảm pháp lý như người châu Âu. Xóa bỏ hoàn toàn những tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam.

Đến năm 1922, Người đã khái quát, thể hiện quan điểm của mình trong bài "Việt Nam yêu cầu ca": "Bây xin Hiến pháp ban hành/Trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Có ý kiến cho rằng hai câu thơ lục bát nói về yêu sách thứ 7 này không chỉ chuyên thể thành công nội dung thực chất của một yêu sách chính trị mà còn nâng cao rõ rệt nội dung yêu sách thành: đòi ban hành Hiến pháp. Hiến pháp là luật nhưng là luật cơ bản của một nước, tạo rường cột, cơ sở pháp lý cơ bản cho toàn xã hội, định hình chế định cơ bản quyền con người, quyền công dân. Xa hơn nữa, Nguyễn Ái Quốc còn chỉ ra cốt lõi, tinh túy của một nhà nước pháp quyền chính là ở chỗ đưa tinh thần thượng tôn pháp luật mà trước hết là thượng tôn Hiến pháp vào lĩnh vực quản lý xã hội. Tinh thần cao cả ấy, thật tuyệt vời lại được Người diễn đạt một cách rất độc đáo, xưa nay chưa từng thấy: thần linh pháp quyền. Có thể nói, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được một cách thể hiện độc đáo để nói lên ý nghĩa thiêng liêng, tôn quý của Hiến pháp và pháp luật mà lại rất gần gũi, dễ cảm nhận, tiếp thu, dễ nhớ, dễ thuộc để làm theo.

Pháp luật ở mỗi giai đoạn lịch sử điều chỉnh quan hệ xã hội và mang bản chất của giai cấp thống trị xã hội trong giai đoạn đó. Kiên định mục tiêu của quá trình cách mạng, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ ranh giới pháp luật của nhà nước ta với các kiểu pháp luật trước, để khẳng định bản chất nhà nước - pháp luật của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Pháp luật nước ta là ý chí của giai cấp công nhân nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của hàng triệu người dân lao động. Nó đấu tranh cho sự áp bức bất công, thiết lập một xã hội công bằng, văn minh. Hồ Chí Minh từng nói: "Luật pháp là vũ khí của giai cấp thống trị dùng để trị giai cấp công nhân, pháp luật cũ kỹ là ý chí của thực dân Pháp không phải ý chí chung của toàn dân ta. Luật pháp cũ đặt ra để giữ trật tự thật, nhưng trật tự ấy chỉ có lợi cho thực dân phong kiến, không phải có lợi cho toàn thể nhân dân đâu. Luật pháp đặt ra trước hết để trừng trị áp bức. Phong kiến đặt ra pháp luật để trừng trị nông dân. Tư bản đặt ra pháp luật để trừng trị công nhân và nhân dân lao động". Đồng thời, Hồ Chí Minh khẳng định: "Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn đều của dân, chính quyền từ xã đến chính phủ, trung ương do dân cử ra", "Tổng tuyển cử mà dân bầu ra quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra chính phủ. Chính phủ đó thật sự là của dân", "Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân

dân nếu như đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình".

Tư tưởng về một Hiến pháp dân chủ làm nền tảng cho một nhà nước dân chủ và thượng tôn pháp luật đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẩn trương thực hiện ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công. Với sự ra đời của Hiến pháp năm 1946, tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước dân chủ và pháp quyền, về một nền pháp luật của dân, do dân và vì dân đã trở thành hiện thực. Bên cạnh đó, khi nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong quản lý, điều hành xã hội, Hồ Chí Minh yêu cầu: *Một là*, cần khẩn trương xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật. *Hai là*, đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhân dân. *Ba là*, giữ gìn sự nghiêm minh của pháp luật, đặc biệt là đối với cán bộ thi hành luật. Trong 24 năm ở cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã ban hành 2 bản Hiến pháp, ký và ban hành 16 đạo luật, 613 sắc lệnh và nhiều văn bản dưới luật khác.

2. Vai trò của đạo đức trong quản lý và điều hành xã hội

Hồ Chủ tịch không chỉ nhận thấy vai trò và vị trí to lớn của pháp luật mà Người còn thấy rõ tác dụng và sự cần thiết của đạo đức cũng như việc kết hợp giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý và điều hành xã hội.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội. Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người. Loài người đã sáng tạo ra nhiều phương thức điều chỉnh hành vi con người: phong tục, tập quán, tôn giáo, pháp luật, đạo đức v.v... Đối với đạo đức, sự đánh giá hành vi con người theo khuôn phép chuẩn mực và quy tắc đạo đức biểu hiện thành những khái niệm về thiện và ác, vinh và nhục, chính nghĩa và phi nghĩa. Đạo đức tồn tại ở ý thức đạo đức, thực tiễn đạo đức và quan hệ đạo đức, ở đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, thông qua đó mà phát huy vai trò, ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu triết lý nhân sinh, hành động của Khổng Tử "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Người đã nói: "Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác", "vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì". Như vậy, người làm cách mạng, người cán bộ cần phải thường xuyên tu dưỡng đạo đức phẩm chất, tư cách bản thân, có như vậy mới thực hiện trị quốc được. Đối

với người làm cách mạng, để làm tròn nhiệm vụ của mình cần phải tu thân, nghĩa là phải có lòng khoan dung, hướng về nơi dân, phải là đây tớ trung thành của dân. Do đó, người cách mạng cần tu cho chính, chí công vô tư việc gì cũng phải công minh chính trực.

Cơ quan nhà nước khi được giao quyền thì phải thường xuyên chú ý tới việc sửa đổi, bổ sung cho các đạo luật thật hoàn chỉnh và phải thật sự bình đẳng đối với các công việc của nhà nước, của nhân dân. Cán bộ phải thực hiện đúng pháp luật, ai có công thì thưởng, ai có tội thì phạt, phạt đúng người đúng tội, có như thế người có lỗi không thấy oan sai, người vô tội sẽ bằng lòng.

Hồ Chí Minh còn đề cập tới cả nguyên nhân và phương pháp ngăn chặn những hành vi phạm tội, cần thực hiện tốt các biện pháp giáo dục, tuyên truyền pháp luật, đồng thời tổ chức tốt trật tự xã hội sao cho xã hội có kỷ cương, ngay trong việc xử phạt cũng cần thực thi nguyên tắc giáo dục, thuyết phục trước sau đó mới đến cưỡng chế. Đạo đức nhằm khuyên con người những việc nên làm còn pháp luật bắt buộc họ phải tránh những việc nên tránh. Chính vì vậy mà pháp luật luôn luôn cần được sửa sang vì có như vậy mới phản ánh và điều chỉnh được các quan hệ xã hội mới phát sinh. Trong hội nghị học tập của cán bộ ngành tư pháp năm 1950, Người nói: “Chúng ta cũng thấy pháp luật của ta hiện nay chưa đủ. Chính các chú có trách nhiệm góp phần làm cho pháp luật của ta tốt hơn, càng ngày càng phong phú hơn, phải cố gắng làm cho pháp luật dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn”.

3. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa đạo đức và pháp luật trong quản lý và điều hành xã hội

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị lão luyện và sáng suốt đã thấu hiểu được những kinh nghiệm lịch sử quý báu trong văn hóa trị nước của loài người và đã vận dụng nó một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo trong suốt 24 năm ở cương vị đứng đầu nhà nước. Bác Hồ là một mẫu mực của sự kết hợp hài hòa “đức trị” và “pháp trị”, luôn luôn chú trọng giáo dục đạo đức nhưng cũng không ngừng nâng cao vai trò, sức mạnh của pháp luật. Hồ Chí Minh là một mẫu mực về sự kế thừa lịch sử, kế thừa những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và của nhân loại.

Theo Hồ Chí Minh, pháp luật không chỉ thể hiện quyền lợi công dân đơn thuần mà còn nhằm mục đích xây dựng một nền đạo đức xã hội đảm bảo cho mọi người có cuộc sống lương thiện, hạnh phúc, kẻ ác phải bị trừng phạt. Giữa pháp luật và đạo đức có mối quan hệ biện chứng như mối quan hệ giữa hình thức và nội dung, đạo đức là nội dung, pháp luật là hình thức; đạo đức là gốc, pháp luật là chuẩn. Trong cái nhất thể “đạo đức - pháp luật”, xét về cội nguồn thì thiện, đức có trước và là gốc của lệ, luật. Xét về công dụng đối với

đời sống xã hội thì đạo đức gây men sống, còn pháp luật là chuẩn, xác định mức độ, phạm vi, phương pháp tác động của men sống ấy chỉ đạo hành động con người và bảo đảm hành động ấy có hiệu quả đối với xã hội. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, pháp luật là tất yếu cần cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, hình thành mọi quan hệ xã hội hợp chuẩn đã định. Cho nên trước Cách mạng Tháng Tám và ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghĩ đến, lo việc soạn thảo Hiến pháp và xây dựng hệ thống luật pháp. Nhưng, gốc có bền thì cây mới đứng được và tươi tốt lên. Đồng thời với việc soạn thảo Hiến pháp, Bác ra lệnh giữ lại mọi luật, lệ cũ còn thích hợp với chế độ mới. Người gửi thư “khẩn cấp” cho các uỷ ban nhân dân, các bộ, tỉnh, huyện, làng (đầu tháng 12/1945) và gửi thư cho đồng bào Bắc Bộ (năm 1947) để răn bảo cán bộ ngoài Đảng, trong Đảng sớm biết tu thân, tẩy rửa mọi thói hư, tật xấu, tư thù, tư oán, cậy thế, cậy thân, quân phiệt hà hiếp, kẻ cả hẹp hòi, chuộng hình thức, ích kỷ, háms lợi danh; nghĩa là những điều luân lý thông thường, những yêu cầu sơ đẳng của đạo đức làm người, của cái thiện bảm sinh.

Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa I (11-1946) có đại biểu Quốc hội đã chất vấn Chính phủ về vụ Chu Bá Phượng, lúc đó là Bộ trưởng Bộ kinh tế trong chính phủ liên hiệp kháng chiến, là đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng, được bổ sung làm thành viên tham gia phái đoàn Chính phủ ta dự Hội nghị Fontainebleau. Trong chuyến đi đó, ông ta mang theo vàng để buôn lậu, bị các nhà chức trách Pháp bắt được. Báo chí Pháp lợi dụng rêu rao để làm mất ảnh hưởng của đoàn đại biểu Chính phủ ta. Đây là vụ “xì căng đan” đầu tiên ở một nhân vật cấp bộ trưởng được đưa ra trước Quốc hội nước ta.

Hồ Chủ tịch đã thay mặt chính phủ trả lời thẳng thắn: “Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ, từ Hồ Chí Minh đến những người làm việc ở các uỷ ban làng, đông lắm, phức tạp lắm. Dù sao Chính phủ đã hết sức làm gương, và nếu làm gương không xong, thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ đã ăn hối lộ. Đã trị, đang trị và sẽ trị cho kỳ hết”.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức và pháp luật hỗ trợ, bổ sung cho nhau để hạn chế cái ác, hướng tới cái thiện. Nếu thiếu pháp luật nhưng con người ta có đạo đức thì họ sẽ không hoặc biết kiềm chế tối đa sự vi phạm. Có luật pháp điều chỉnh nhưng nếu không có đạo đức, không có lương tâm thì sẽ bất chấp pháp luật, sẽ xuyên tạc luật, lợi dụng luật.

Đạo đức, đối với Hồ Chí Minh, không những là cơ sở của pháp luật, của quyền lực mà còn song hành với việc thực hiện pháp luật. Người thực hiện pháp luật cũng phải là người có đạo đức. “Khi đạo đức đã xuống cấp, thì dù pháp luật có hay đến mấy cũng trở nên vô

nghĩa. Con người không hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức thì cũng dễ dàng vi phạm pháp luật. Ngược lại, sự vi phạm pháp luật, pháp luật không nghiêm lại là tiền đề làm rối loạn kỷ cương, đạo đức xã hội”.

Trong những năm trực tiếp lãnh đạo nhà nước, Hồ Chí Minh đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam. Ngoài hai bản Hiến pháp 1946 và 1959 do Người làm trưởng ban soạn thảo, Hồ Chí Minh đã công bố 16 đạo luật và 1300 văn bản dưới luật. Khối lượng văn bản luật đó luôn thể hiện và thực hiện việc đề cao tính nhân đạo và nhân văn, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và hiệu lực thực tế của các điều luật. Trước khi ban hành lệnh hay sắc lệnh, Hồ Chí Minh hết sức lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, nhân dân và nhất thiết tôn trọng nguyên tắc thông qua Thường trực Quốc hội. Bản thân Hồ Chí Minh đã từng phê phán gay gắt chế độ cai trị bằng sắc lệnh của thực dân Pháp ở Việt Nam. Song, Người buộc phải sử dụng chế độ sắc lệnh để điều hành công việc của đất nước vì hoàn cảnh kháng chiến, Quốc hội không họp thường kỳ để thông qua các đạo luật.

Người chủ trương quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với đạo đức, có lý, có tình. Tư tưởng của Người là: “không dùng xử phạt là không đúng, song chút gì cũng dùng đến hình phạt cũng không đúng”. Thực hành kết hợp “đức trị” với “pháp trị” dựa trên cơ sở đạo đức và cụ thể hóa ở các quy định pháp luật là tư tưởng xuyên suốt của Người. Người lãnh đạo thực hành đức trị bằng cách dẫn đường cho dân theo, tôn trọng dân, giúp dân yên ổn làm ăn, tạo sự hoà thuận trong dân, khoan dung nơi dân, thưởng phạt công bằng. Đó là cơ sở gốc của đức trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư thân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Đem lòng nhân đức, điều hơn, lẽ phải mà giảng giải cho người để người “quy thuận, cải tà quy chính” đã trở thành phép xử thế của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Theo Hồ Chí Minh, thực thi pháp luật bằng cái tâm trong sáng bao giờ cũng mang lại sự tốt lành. Còn thực thi pháp luật bằng cái tà, sẽ mang lại sự xấu xa, tội lỗi. Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng xử lý theo đúng luật pháp. Cán cân công lý của Người chính là cán cân pháp luật. Trong thực tế, một vị nguyên thủ quốc gia chỉ làm hai việc trọng yếu: thưởng và phạt. Nếu thưởng đúng và phạt đúng sẽ đưa tới sự hưng thịnh của một quốc gia. Trái lại, nếu thưởng không đúng và phạt không đúng sẽ dẫn đến sự suy thoái của một nhà nước.

Khi nói về pháp trị, chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, biện pháp phòng ngừa phạm pháp luôn nằm trong sự mong muốn của chúng ta, phải nhìn sự việc từ khi nó mới nhú lên để có biện pháp ngăn ngừa. Muốn vậy, phải làm tốt công tác giáo dục chấp hành luật pháp,

đồng thời phải tổ chức tốt trật tự xã hội. Một xã hội có trật tự, kỷ cương là xã hội ổn định. Xây dựng một hệ thống lý luận pháp luật dựa trên quyền lợi của nhân dân là tư tưởng vững chắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó khác hẳn với lý thuyết pháp luật dựa trên quyền lợi của chế độ quân chủ và chế độ thực dân. Thiên tài của Hồ Chí Minh không chỉ biểu hiện ở việc đề cao vai trò của đạo đức, coi đạo đức cách mạng là gốc của người cách mạng mà còn là ở việc Người đã xây dựng một hệ thống quan điểm pháp luật phù hợp với quan điểm đạo đức mới. Đây cũng chính là một trong những nét đặc sắc làm nên giá trị sống mãi với thời gian trong tư tưởng pháp luật và đạo đức của Hồ Chí Minh.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức và pháp luật là hai thành tố quan trọng, có mối quan hệ biện chứng với nhau: Pháp luật là “đạo đức tối thiểu”, đạo đức là “pháp luật tối đa”. Một hệ thống pháp luật hoàn thiện cần được xây dựng trên nền tảng đạo đức cụ thể, ngược lại, pháp luật chính là công cụ, biện pháp để xã hội thực hành các chuẩn mực đạo đức, nếu tách riêng đạo đức và pháp luật mà nghiên cứu thì chưa thấy hết được nội dung cơ bản và giá trị to lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và pháp luật. Đây cũng chính là tư tưởng của Người về triết lý phát triển của đạo đức và pháp luật. Kết hợp hài hòa giữa đạo đức và pháp luật sẽ giúp chúng ta quản lý và điều hành tốt mọi quá trình xã hội.

Dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, nhiều giá trị văn hóa, đạo đức bị xuống cấp nghiêm trọng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên “suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc”; nguy hại hơn, “tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, chưa bị đẩy lùi; có mặt, có bộ phận còn diễn biến phức tạp hơn”, “tham nhũng lãng phí trên một số lĩnh vực, địa bàn vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội”,... Trước thực trạng trên, đề nâng cao hiệu quả điều hành quản lý xã hội của nhà nước, việc nhận thức và vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa đạo đức và pháp luật trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu cấp thiết.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Đăng Dung (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và pháp luật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 10*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 Hoàng Thị Kim Quế (2005), *Một số nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, Tạp chí Dân chủ và pháp luật*.